

QUYỀN LỢI ƯU VIỆT

Mức quyền lợi tối đa (VND)

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	Thượng Hạng	Cao cấp	Cơ bản
I, TAI NẠN CÁ NHÂN			
1.1 Tử vong và thương tật do tai nạn + Dưới 65 tuổi + Từ 65 tuổi trở lên + Trẻ em (theo Chương trình gia đình)	2,520,000,000 1,050,000,000 525,000,000	2,100,000,000 1,050,000,000 525,000,000	1,050,000,000 525,000,000 525,000,000
1.2 Bảo hiểm gấp đôi trên phương tiện vận chuyển công cộng + Dưới 65 tuổi + Từ 65 tuổi trở lên + Trẻ em (bao gồm trong Chương trình gia đình)	5,040,000,000 2,100,000,000 1,050,000,000	N/A N/A N/A	N/A N/A N/A
1.3 Hỗ trợ chi phí học hành của trẻ em Hỗ trợ chi phí học hành cho mỗi người con phụ thuộc hợp pháp dưới 23 tuổi (đang theo học toàn thời gian tại một trường đại học hoặc cao đẳng được công nhận) trong trường hợp Người được bảo hiểm bị tử vong do tai nạn.	52,500,000	10,500,000	10,500,000
II, CHI PHÍ VÀ TRỢ GIÚP Y TẾ			
2.1 Chi phí y tế phát sinh tại nước ngoài bao gồm chi phí y tế điều trị tiếp theo tại Việt Nam + Dưới 65 tuổi + Từ 65 tuổi trở lên	2,520,000,000 1,050,000,000	1,575,000,000 525,000,000	1,050,000,000 525,000,000
2.2 Di chuyển y tế khẩn cấp Thanh toán các chi phí vận chuyển y tế khẩn cấp do Đại diện được ủy quyền của Công ty cung cấp	Không giới hạn	2,100,000,000	2,100,000,000
2.3 Hồi hương thi hài Thanh toán các chi phí dịch vụ do Đại diện được ủy quyền của Công ty cung cấp khi đưa thi hài của Người được bảo hiểm bị tử vong trong chuyến đi về Việt Nam hoặc Nước nguyên quán. + Hồi hương thi hài về Việt Nam + Hồi hương thi hài về Nước nguyên quán	Không giới hạn 630,000,000	2,100,000,000 315,000,000	2,100,000,000 N/A
2.4 Dịch vụ trợ giúp toàn cầu Các dịch vụ khẩn cấp và các dịch vụ hỗ trợ toàn cầu luôn sẵn sàng 24/24 giờ dành cho Người được bảo hiểm trong suốt chuyến đi. Chỉ cần gọi tới Tổng đài Hỗ trợ Khẩn cấp toàn cầu để nhận được các dịch vụ sau đây: • Tư vấn/chỉ dẫn về dịch vụ y tế • Trợ giúp việc nhập viện (bao gồm việc bảo lãnh viện phí và thanh toán trực tiếp chi phí nằm viện trên 52 triệu VND) • Trợ giúp về dịch vụ hành lý • Trợ giúp về dịch vụ pháp lý • Trợ giúp thu xếp về khẩn cấp	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm
2.5 Đưa trẻ em trở về nước Thanh toán chi phí cho một thành viên gia đình hoặc bạn bè sang đưa con của Người được bảo hiểm về Việt Nam hoặc Nước nguyên quán khi Người được bảo hiểm phải nằm viện hoặc tử vong.	126,000,000	84,000,000	63,000,000

2.6 Thăm viếng của thân nhân Thanh toán các chi phí cho vé đi lại hợp lý và tiền phòng ở khách sạn cho một Người thân sang chăm sóc nếu Người được bảo hiểm không thể được vận chuyển cấp cứu và phải nằm viện từ 5 ngày trở lên, hoặc giúp thu xếp việc hồi hương thi hài Người được bảo hiểm, trong trường hợp cần thiết.	126,000,000	84,000,000	63,000,000
2.7 Trợ cấp nằm viện Chi trả VND 1.050.000 cho mỗi ngày Nằm viện của Người được bảo hiểm khi ở nước ngoài	52,500,000	21,000,000	21,000,000
III, HỖ TRỢ TRONG VIỆC ĐI LẠI			
3.1 Hủy bỏ chuyến đi Thanh toán các chi phí đi lại và khách sạn đã trả trước không được hoàn lại khi Chuyến đi bị hủy xảy ra trong vòng 30 ngày trước ngày khởi hành.	168,000,000	105,000,000	105,000,000
3.2 Hoàn chuyển đi Thanh toán các chi phí hành chính đã trả trước toàn bộ và không thể thu hồi từ bất kỳ nguồn nào khác nếu Chuyến đi bị hoãn xảy ra trong vòng 30 ngày trước ngày khởi hành.	21,000,000	10,500,000	N/A
3.3 Rút ngắn chuyến Thanh toán các chi phí đi lại và/hoặc chỗ ở đã trả trước mà không được hoàn lại hoặc tăng thêm do Chuyến đi bị rút ngắn.	157,500,000	105,000,000	N/A
3.4 Hỗ trợ người đi cùng Thanh toán chi phí đi lại hạng thường chỗ ở cho một Người thân hoặc một Người đi cùng ở lại chăm sóc Người được bảo hiểm do việc Nằm viện của Người được bảo hiểm.	126,000,000	84,000,000	N/A
3.5 Chuyến đi bị gián đoạn Thanh toán tổn thất đối với các chi phí đi lại chưa được sử dụng (vé máy bay hạng phổ thông, vé tàu hỏa hoặc tàu thủy) và/hoặc chi phí chỗ ở đã trả trước.	157,500,000	105,000,000	N/A
3.6 Lỡ nói chuyển Thanh toán VND 2,100,000 cho mỗi sáu (6) giờ liên tục bị lỡ nói chuyển tại nước ngoài.	4,200,000	4,200,000	4,200,000
3.7 Chuyến đi bị trì hoãn Thanh toán VND 2,100,000 cho mỗi sáu (6) giờ liên tục chuyến đi bị trì hoãn tại nước ngoài	21,000,000	15,750,000	10,500,000
3.8 Hành lý cá nhân Thanh toán cho tổn thất hoặc thiệt hại đối với hành lý cá nhân (bao gồm cả Máy tính xách tay) (tối đa VND 6,300,000 đối với mỗi hạng mục hoặc mỗi đôi hoặc bộ, và không vượt quá VND 21,000,000 đối với máy tính xách tay)	52,500,000	31,500,000	21,000,000

3.9 Hành lý đến chậm Thanh toán VND 4.200.000 cho mỗi tám (8) giờ liên tiếp hành lý của Người được bảo hiểm đến chậm tại điểm đến ở nước ngoài.	10,500,000	10,500,000	6,300,000
3.10 Giấy tờ du lịch và tiền Thanh toán chi phí đi lại và chỗ ở bao gồm chi phí xin cấp hộ chiếu mới, vé vận chuyển và các giấy tờ du lịch liên quan khác. Mất tiền mặt, séc du lịch do bị trộm cướp được bảo hiểm tối đa tới VND 6,300,000.	63,000,000	42,000,000	31,500,000
3.11 Trách nhiệm cá nhân khi ở nước ngoài Bảo hiểm trách nhiệm pháp lý của Người được bảo hiểm đối với bên thứ ba phát sinh trong Chuyến đi khi đang ở nước ngoài là hậu quả của Thương tích thân thể hoặc thiệt hại tài sản đối với bên thứ ba.	2,520,000,000	1,575,000,000	1,050,000,000
3.12 Bắt cóc và con tin Thanh toán VND 3,150,000 cho mỗi 24 giờ Người được bảo hiểm bị bắt cóc làm con tin, xảy ra trong Chuyến đi ở nước ngoài.	105,000,000	63,000,000	42,000,000
IV, CÁC QUYỀN LỢI MỞ RỘNG			
4.1 Bồi Hoàn Khấu Trừ Bảo Hiểm Cho Phương Tiện Đi Thuê Thanh toán khoản khấu trừ bảo hiểm của tổn thất và thiệt hại đối với phương tiện Người được bảo hiểm thuê sử dụng và bị tai nạn.	10,500,000	N/A	N/A
4.2 Bảo hiểm cho khách chơi golf + Mắt mắt/ Thiệt Hại Dụng Cụ Chơi Golf + Cú Đánh Hole-in-One + Phí thuê sân	14,700,000 4,200,000 14,700,000	10,500,000 N/A 10,500,000	6,300,000 N/A 6,300,000
4.3 Bảo hiểm tư gia do hòa hoãn Bồi thường cho tổn thất hoặc thiệt hại đối với tài sản trong gia đình gây ra bởi hòa hoãn xảy ra trong Thời hạn bảo hiểm.	105,000,000	63,000,000	21,000,000
4.4 Tự Động Gia Hạn Thời Hạn Bảo Hiểm Đối với hợp đồng bảo hiểm theo chuyến, Thời hạn bảo hiểm sẽ được kéo dài thêm 72 giờ miễn phí do một tình huống ngoài tầm kiểm soát của Người được bảo hiểm.	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm
4.5 Bảo Hiểm Trong Trường Hợp bị Khủng Bố Các quyền lợi được bảo hiểm trên đều được áp dụng khi các tổn thất phát sinh trực tiếp hay gián tiếp từ Hoạt động khủng bố trong khi Người được bảo hiểm ở nước ngoài.	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm



Du lịch giúp bạn mở rộng tầm nhìn và kiến thức với những hành trình mới thú vị. Với **chất lượng dịch vụ Nhật Bản** đã được minh chứng tại thị trường Việt Nam, **Tokio Marine Việt Nam** hy vọng sẽ mang tới những giá trị hữu ích giúp bạn có những trải nghiệm du lịch an toàn, trọn vẹn và tuyệt vời nhất.

MUA BẢO HIỂM TRỰC TUYẾN
Chỉ 4 bước đơn giản & nhanh chóng

- Lựa chọn lịch trình
- Hoàn thiện thông tin
- Thanh toán online
- Nhận đơn bảo hiểm điện tử

QUÉT QR

Tư vấn sản phẩm (24/7) **+84 88 663 99 55**

Để được tư vấn chi tiết về sản phẩm & dịch vụ, vui lòng liên lạc với chúng tôi theo địa chỉ dưới đây:

Trụ sở chính: Tầng 6, tòa nhà Mặt Trời sông Hồng
23 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Chi nhánh: Tầng 14, Lim Tower 3, 29A Nguyễn Đình Chiểu,
phường Đa Kao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

+84-24-39330704 (Hanoi) | +84-28-38221340 (Hochiminh)
<https://tokiomarine.com.vn>

TRAVEL MATE HỖ TRỢ

DỊCH VỤ ĐẶC BIỆT

- Hỗ trợ y tế 24/7
- Chi phí y tế nước ngoài
- Chi phí sau về nước
- Vận chuyển y tế khẩn cấp
- Giấy tờ du lịch bị thất lạc
- Bảo hiểm trong trường hợp khủng bố
- Quyền lợi áp dụng với mọi lứa tuổi từ 6 tuần tuổi tới 75 tuổi
- Hành lý cá nhân bị thất lạc hoặc đến chậm
- Thanh toán dịch vụ không cần tiền mặt

TỔNG ĐÀI HỖ TRỢ 24/7

+84 28 38212108

Bạn có thể được tư vấn & hỗ trợ trên toàn cầu qua hệ thống tổng đài quốc tế với hai ngôn ngữ - tiếng Việt & tiếng Anh

DỊCH VỤ BỒI THƯỜNG NHANH CHÓNG, CHÍNH XÁC

Bạn sẽ nhận được hỗ trợ trong quá trình hoàn thiện hồ sơ bồi thường từ đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp của TMIV để đảm bảo có thể nhận được thanh toán bồi thường nhanh chóng, đầy đủ và chính xác nhất.

HỖ TRỢ THÔNG TIN DU LỊCH AN TOÀN

Bạn sẽ nhận được thông tin cập nhật hướng dẫn du lịch an toàn tại Nhật Bản thông qua ứng dụng điện thoại thông minh được phát triển bởi Tập đoàn Bảo hiểm Tokio Marine.

Tải ứng dụng tại đây:

TOKIO MARINE Safety Information

Android

iOS

Chi tiết xin vui lòng tham khảo Quy tắc Bảo hiểm du lịch Travel Mate tại website của Tokio Marine Việt Nam

BIỂU PHÍ BẢO HIỂM TRAVEL MATE

Độ dài chuyến đi	ASEAN			CHÂU Á			TOÀN CẦU		
	Thượng hạng	Cao cấp	Cơ bản	Thượng hạng	Cao cấp	Cơ bản	Thượng hạng	Cao cấp	Cơ bản
1-3	242,000	176,000	154,000	308,000	221,000	176,000	352,000	242,000	198,000
4-6	313,000	231,000	198,000	409,000	299,000	221,000	481,000	337,000	265,000
7-10	433,000	276,000	242,000	553,000	368,000	286,000	649,000	409,000	331,000
11-14	578,000	368,000	308,000	746,000	483,000	396,000	865,000	553,000	439,000
15-18	696,000	483,000	396,000	890,000	644,000	505,000	1,033,000	722,000	549,000
19-22	794,000	576,000	483,000	1,009,000	735,000	549,000	1,177,000	841,000	593,000
23-27	865,000	667,000	549,000	1,129,000	851,000	593,000	1,297,000	962,000	636,000
28-31	962,000	759,000	614,000	1,226,000	965,000	660,000	1,418,000	1,105,000	703,000
32-38	1,142,000	895,000	702,000	1,451,000	1,123,000	755,000	1,666,000	1,285,000	821,000
39-45	1,322,000	1,031,000	790,000	1,676,000	1,281,000	850,000	1,914,000	1,465,000	939,000
46-52	1,502,000	1,167,000	878,000	1,901,000	1,439,000	945,000	2,162,000	1,645,000	1,057,000
53-59	1,682,000	1,303,000	966,000	2,126,000	1,597,000	1,040,000	2,410,000	1,825,000	1,175,000
60-66	1,862,000	1,439,000	1,054,000	2,351,000	1,755,000	1,135,000	2,658,000	2,005,000	1,293,000
67-73	2,042,000	1,575,000	1,142,000	2,576,000	1,913,000	1,230,000	2,906,000	2,185,000	1,411,000
74-80	2,222,000	1,711,000	1,230,000	2,801,000	2,071,000	1,325,000	3,154,000	2,365,000	1,529,000
81-87	2,402,000	1,847,000	1,318,000	3,026,000	2,229,000	1,420,000	3,402,000	2,545,000	1,647,000
88-94	2,582,000	1,983,000	1,406,000	3,251,000	2,387,000	1,515,000	3,650,000	2,725,000	1,765,000
95-101	2,762,000	2,119,000	1,494,000	3,476,000	2,545,000	1,610,000	3,898,000	2,905,000	1,883,000
102-108	2,942,000	2,255,000	1,582,000	3,701,000	2,703,000	1,705,000	4,146,000	3,085,000	2,001,000
109-115	3,122,000	2,391,000	1,670,000	3,926,000	2,861,000	1,800,000	4,394,000	3,265,000	2,119,000
116-122	3,302,000	2,527,000	1,758,000	4,151,000	3,019,000	1,895,000	4,642,000	3,445,000	2,237,000
123-129	3,482,000	2,663,000	1,846,000	4,376,000	3,177,000	1,990,000	4,890,000	3,625,000	2,355,000
130-136	3,662,000	2,799,000	1,934,000	4,601,000	3,335,000	2,085,000	5,138,000	3,805,000	2,473,000
137-143	3,842,000	2,935,000	2,022,000	4,826,000	3,493,000	2,180,000	5,386,000	3,985,000	2,591,000
144-150	4,022,000	3,071,000	2,110,000	5,051,000	3,651,000	2,275,000	5,634,000	4,165,000	2,709,000
151-157	4,202,000	3,207,000	2,198,000	5,276,000	3,809,000	2,370,000	5,882,000	4,345,000	2,827,000
158-164	4,382,000	3,343,000	2,286,000	5,501,000	3,967,000	2,465,000	6,130,000	4,525,000	2,945,000
165-171	4,562,000	3,479,000	2,374,000	5,726,000	4,125,000	2,560,000	6,378,000	4,705,000	3,063,000
172-178	4,742,000	3,615,000	2,462,000	5,951,000	4,283,000	2,655,000	6,626,000	4,885,000	3,181,000
179-180	4,922,000	3,751,000	2,550,000	6,176,000	4,441,000	2,750,000	6,874,000	5,065,000	3,299,000
Theo năm (tối đa 90 ngày/chuyến)	N/A	N/A	N/A	3,880,000	3,500,000	N/A	7,700,000	5,500,000	N/A

★ Phí bảo hiểm áp dụng với hợp đồng gia đình gấp đôi mức phí với hợp đồng cá nhân tương ứng.